

Phụ lục I
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG,
GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG
TRƯỜNG MẦM NON NAM HƯNG
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM HỌC 2024 - 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở giáo dục: TRƯỜNG MẦM NON NAM HƯNG
- Địa chỉ: Thôn Vân Đoài, xã Nam Hưng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.
 - Điện thoại: 0977819394
 - Địa chỉ thư điện tử: tl-mnnamhung@haiphong.edu.vn;
 - Cổng thông tin điện tử: <https://mnnamhung.haiphong.edu.vn>
- Loại hình: công lập; Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND huyện Tiên Lãng, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tiên Lãng.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường:

Tầm nhìn: Trường mầm non Nam Hưng phấn đấu luôn là một ngôi trường thân thiện, chất lượng và hiệu quả, có đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị hiện đại. Là nơi các bậc phụ huynh tin tưởng gửi gắm con em vào trường, trẻ có những kỹ năng cơ bản để học lên ở cấp học tiểu học và để phục vụ cuộc sống.

Sứ mệnh: Tạo dựng được môi trường giáo dục có nền nếp, kỷ cương, có chất lượng giáo dục cao, để mỗi trẻ em đều có cơ hội phát triển tối đa năng lực của bản thân. Xây dựng trường học có tính kỉ luật lao động cao, biết thương yêu hỗ trợ nhau, biết được nhiệm vụ của mỗi cá nhân để tư duy, sáng tạo, làm việc có hiệu quả, trung thực, khách quan trong việc thực thi nhiệm vụ.

Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường:

Trường mầm non Nam Hưng thuộc xã Nam Hưng được thành lập và đi vào hoạt động từ năm 1991 trên cơ sở hợp nhất các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo gọi là trường mầm non. Nhà trường đang được UBND huyện Tiên Lãng đầu tư xây dựng ở 1 Khu trung tâm của xã có tổng diện tích là 5.000m²; trường có 10 phòng học xây mới, 2 phòng chức năng dành cho trẻ, các phòng hành chính quản trị, Y tế, phòng làm việc của Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng, phòng nhân viên đảm bảo diện tích, đáp ứng cho công tác quản lý, chăm sóc- nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

Với hơn 30 năm xây dựng và phát triển, nhà trường đã có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp giáo dục của địa phương. Trường có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng, là điểm trường tập trung, đã tổ chức bán trú cho học sinh từ năm 2008 đến nay. Trường có chi bộ Đảng độc lập, trực thuộc Đảng ủy xã Nam Hưng gồm có 17 đảng viên; có Công đoàn cơ sở gồm 27 đoàn viên công đoàn.

Trong thời gian qua, được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền địa phương, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tiên Lãng, trường được đầu tư xây mới toàn bộ hạ tầng cơ sở, các trang thiết bị phục vụ nuôi và dạy trẻ đang dần được đầu tư theo hướng chuẩn, hiện đại.

Về chất lượng dạy và học: Nhà trường đã không ngừng phát triển, chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ ngày càng nâng cao. Nhà trường luôn lấy mục tiêu giáo dục toàn diện và hình thành nhân cách cho trẻ là mục tiêu hàng đầu. Nhiều năm trường được UBND huyện công nhận Tập thể lao động tiên tiến.

Xây dựng chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025 nhằm làm rõ định hướng, xác định mục tiêu và các giải pháp chủ yếu giúp nhà trường không ngừng phát triển, xây dựng nhà trường vững mạnh, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp giáo dục trong giai đoạn mới.

*Thông tin người đại diện pháp luật:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Phảng
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Điện thoại: 0977819394
- Thư điện tử: tl-mnnamhung@haiphong.edu.vn

*Tổ chức bộ máy:

- Trường được thành lập từ năm 2005 theo quyết định số 1660/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2005.

b) Quyết định bổ sung, kiện toàn nhân sự Hội đồng trường Trường Mầm Non Nam Hưng số: 317/QĐ-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2024 của UBND huyện Tiên Lãng;

Chủ tịch hội đồng trường: Nguyễn Thị Phảng

Danh sách thành viên hội đồng trường:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	CHỨC DANH
1	Bà Nguyễn Thị Phảng	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Bà Nguyễn Thị Hồng	Phó hiệu trưởng, CTCD	Thành viên
3	Bà Nguyễn Thị Nhung	Phó hiệu trưởng	Thành viên

4	Ông Nguyễn Bá Định	PCT UBND xã Nam Hưng	Thành viên
5	Bà Hoàng Thị Xuyên	Tổ trưởng Tổ MG	Thành viên
6	Bà Nguyễn Thị Hà	Tổ trưởng Tổ NT	Thành viên
7	Bà Lương Thị Oanh	Khối trưởng 4 tuổi	Thành viên
8	Bà Dương Thị Thiết	Bí thư Đoàn thanh niên, Khối trưởng 3 tuổi	Thành viên
9	Bà Nguyễn Thị Hoa	Tổ trưởng tổ VP	Thành viên
10	Bà Vũ Văn Cung	Đại diện Hội CMHS	Thành viên

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

- Đồng chí Hiệu trưởng Nguyễn Thị Phảng được bổ nhiệm lại theo Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2018 của UBND huyện Tiên Lãng.

- Đồng chí phó Hiệu trưởng Nguyễn Thị Hồng phụ trách nuôi dưỡng được UBND huyện Tiên Lãng bổ nhiệm theo Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2017.

- Quyết định điều động và bổ nhiệm đồng chí Nguyễn Thị Nhung Phó hiệu trưởng số 2680/QĐ-UBND ngày 02/8/2023 của UBND huyện Tiên Lãng.

d) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

T T	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ ĐIỆN THOẠI	ĐỊA CHỈ GMAIL
1	Bà Nguyễn Thị Phảng	Hiệu trưởng	0977819394	ntphang@gmail.com
2	Bà Nguyễn Thị Hồng	Phó hiệu trưởng	0362633989	nhongmnnh2@gmail.com
3	Bà Nguyễn Thị Nhung	Phó hiệu trưởng	0904476524	thaonhi8484@gmail.com

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	0	0	0	01	
Phó Hiệu trưởng	02	02	0	0	0	02	
Giáo viên	19	19	0	0	0	19	
Nhân viên	07	07	0	0	05	02	
Cộng	29	29	0	0	05	24	

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Trường Mầm non Nam Hưng được xây dựng khang trang với tổng diện tích đất mặt bằng khuôn viên nhà trường là 5.000 m², diện tích xây dựng công trình 2.214,27m² chiếm 44,3% tổng diện sử dụng, vượt so với tiêu chuẩn quy định (40%), có sơ đồ quy hoạch tổng thể nhà trường. Diện tích sân vườn được qui hoạch phù hợp diện tích đất sử dụng được qui hoạch.

Trường xây dựng gồm 10 phòng học, 02 phòng chức năng, 01 phòng Hội trường, 01 phòng Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng, 01 phòng hành chính, 01 phòng y tế, 01 phòng nhân viên, 01 bếp ăn, 01 phòng bảo vệ cùng với hệ thống trang thiết bị đồng bộ đáp ứng cho công tác chăm sóc giáo dục trẻ theo yêu cầu.

Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có đầy đủ theo quy định; Số lượng đồ chơi ngoài trời, một số thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác đồng bộ đáp ứng cho công tác chăm sóc giáo dục trẻ theo yêu cầu.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Trường Mầm non Nam Hưng đã được Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hải Phòng công nhận đạt Kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 theo Quyết định số: 1883/QĐ-SGDĐT ngày 29/12/2022 và trường chuẩn quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 4653/QĐ-UBND thành phố Hải Phòng ngày 31/12/2022.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Trong năm học 2024-2025 trường mầm non Nam Hưng luôn thực hiện tốt việc tuyên truyền để quán triệt đến đội ngũ và thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về giáo dục mầm non và thực hiện các cuộc vận động và phong trào thi đua đạt kết quả tốt.

29/29 đạt 100% cán bộ giáo viên, nhân viên ký cam kết rèn luyện phấn đấu năm 2024; nêu cao tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác, chủ động sáng tạo trong các hoạt động giáo dục. Gương mẫu đi đầu trong mọi hoạt động, được đồng nghiệp tin yêu, phụ huynh quý mến và được lãnh đạo địa phương ghi nhận. Tiêu biểu trong phong trào như: Đ/c Hoàng Thị Xuyên, Đoàn Thị Mai, Lương Thị Oanh, Lê Thị Diễm, Vũ Thị Mai Vinh, Nguyễn Thị Hà, Hoàng Thị Hòa...luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Giáo viên, nhân viên có sáng kiến trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ như: Đ/c Hoàng Thị Xuyên, Lê Thị Diễm, Lương Thị Oanh, Nguyễn Thị Hà.
- Trong năm học trường không có cán bộ, giáo viên, nhân viên vi phạm đạo đức nghề nghiệp, vi phạm quy chế chuyên môn. 100% CB, GV, NV thực hiện tốt 6 lời thề của người giáo viên Hải Phòng.

Nhà trường ban hành đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật: QĐ phân công nhiệm vụ; QĐ thành lập các Hội đồng trong trường; các Quy chế, nội quy trong đơn vị. Thực hiện công khai dân chủ, có bảng công khai theo định kỳ và công khai hàng tháng hoặc công khai theo sự kiện. Công tác kiểm tra được duy trì thường xuyên. Quản lý chặt chẽ cán bộ, giáo viên và nhân viên, không có CB, GV, NV vi phạm pháp luật. Quản lý tốt các nguồn tài chính và tài sản của

đơn vị. Quản tốt trẻ đến trường đảm bảo an toàn tuyệt đối khi trẻ ở trường.

- Nhà trường thực hiện tốt việc xây dựng “Môi trường giáo dục lấy trẻ em làm trung tâm”, đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần cho trẻ theo Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; công tác kiểm tra điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, kịp thời phát hiện, chỉ đạo khắc phục những yếu tố gây nguy cơ mất an toàn cho trẻ khi tham gia các hoạt động tại trường, lớp.

+ 10/10 lớp tạo môi trường giáo dục phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của trẻ, kích thích sự sáng tạo khám phá, đáp ứng được nhu cầu hoạt động của trẻ trong lớp và ngoài sân trường thu hút được sự hứng thú của trẻ. Đánh giá kết quả cuối năm đạt: 12 giáo viên xếp loại tốt, 7 giáo viên xếp loại khá..

- Tổ chức cho 29/29 cán bộ giáo viên, nhân viên ký cam kết đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ tại trường. Do vậy trong năm học vừa qua nhà trường đảm bảo an ninh an toàn tuyệt đối $270/270 = 100\%$ các cháu được đảm bảo an toàn tuyệt đối cả về thể chất và tinh thần.

Nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình giáo dục mầm non; xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm. Tiếp cận, ứng dụng phương pháp giáo dục tiên tiến Steam vào dạy và học

- 10/10 lớp thực hiện chương trình giáo dục mầm non theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Nhà trường đã phát động phong trào thi đua dạy học theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm, thông qua đợt thi đua: lên tiết dạy tốt chào mừng các ngày lễ lớn trong năm, phong trào tạo môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học theo chủ đề.

- Kết quả trong năm học đã có 6/10 lớp xếp loại tốt, 4/10 lớp xếp loại khá. 12/19 giáo viên xếp loại tốt, 7/19 giáo viên xếp loại khá.

- Nhà trường xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chuyên đề GPST cấp huyện “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện chuyển đổi số góp phần nâng cao hiệu quả chất lượng thực hiện chương trình giáo dục mầm non” năm học 2024-2025

Tổng năm học 2024- 2025 có 10 lớp và 19 giáo viên: NT 2 lớp, MG 8 lớp (Trong đó NT 4 cô, MG 15 cô).

Kết quả kiểm tra, đánh giá xếp loại thực hiện Giải pháp sáng tạo “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện chuyển đổi số góp phần nâng cao hiệu quả chất lượng thực hiện chương trình giáo dục mầm non” năm học 2024-2025

1. Xếp loại lớp:

- Xếp loại tốt 7/10 lớp = 70% (5TA, 4TA, 4TB, 3TA, 3TB, NT 18-24T, NT 24-36t

- Xếp loại khá: 3/10 lớp = 30% (4TC, 5TB, 3TC)

2. Xếp loại Giáo viên

- Xếp loại tốt: 9 giáo viên = 47,5%
 - Xếp loại khá: 9 giáo viên = 47,5%
 - ĐYC: 01 giáo viên = 5 %
 - Thực hiện giải pháp cấp trường: Giải pháp sáng tạo “Nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động ngoài trời cho trẻ trong trường mầm non” năm học 2024-2025
- Tổng năm học 2024- 2025 có 10 lớp và 19 giáo viên: NT 2 lớp, MG 8 lớp (Trong đó NT 4 cô, MG 15 cô). Kết quả kiểm tra, đánh giá nhận xét, thực hiện Giải pháp sáng tạo “Nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động ngoài trời cho trẻ trong trường mầm non” năm học 2024-2025 của giáo viên tại các lớp trong năm học 2024-2025 *

Xếp loại Tốt: 9 giáo viên = 47%

*** Xếp loại khá: 10** giáo viên = 53%

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” năm học 2024 -2025, tổng kết chuyên đề giai đoạn 2021 – 2025
- Nhà trường đã chủ động bồi dưỡng học sinh tham dự hội thi vẽ tranh chủ đề “Trường học hạnh phúc- Tôn trọng quyền trẻ em” Kết quả: cấp huyện: 02 học sinh đạt giải xuất sắc, 01 giải nhất, 02 giải nhì, 6 giải ba. Cấp thành phố 01 giải nhất, 01 giải Ba.
- Thực hiện nghiêm túc việc kiểm tra, bồi dưỡng giám sát, đánh giá các hoạt động giáo dục trẻ tại các nhóm lớp.

Kết quả đánh giá chất lượng trẻ theo các lĩnh vực cuối năm đạt:

Các lĩnh vực giáo dục	Toàn trường						
	Đánh giá cả năm						
	Tổng số trẻ được đánh giá	Tổng số trẻ "Đạt"		Tổng số trẻ "Cần cố gắng"		Tổng số trẻ "Chưa Đạt"	
		SL	%	SL	%	SL	%
Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực thể chất	270	260	96%	10	4%	0	0%
Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực nhận thức	270	261	97%	9	3%	0	0%
Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực ngôn ngữ	270	259	96%	11	4%	0	0%
Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực TCXH (TCKNXH-TM > NT)	270	256	95%	14	5%	0	0%
Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực thẩm mỹ	224	217	97%	7	3%	0	0%
Đánh giá chung về mức độ phát triển của trẻ	270	259	96%	11	4%	0	0%

Duy trì và phát huy tốt phong trào xây dựng môi trường thân thiện - học sinh tích cực: 100% thành viên trong nhà trường được quán triệt nội dung xây dựng môi trường thân thiện và thực hiện tốt công việc bản thân phụ trách.

Hướng dẫn giáo viên quan tâm đến trẻ qua việc lắng nghe, quan sát những biểu hiện của trẻ trong khi thực hiện chế độ sinh hoạt hàng ngày. Thực hiện tốt chủ đề năm học “Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, tôn trọng quyền trẻ em”.

- 95% Trẻ mạnh dạn, tự tin trong giao tiếp với bạn bè và mọi người xung quanh. Lễ phép với người lớn, thương yêu bạn.

- 95% trẻ mẫu giáo biết chăm sóc cây xanh, biết giữ vệ sinh môi trường.

- 100 % các lớp đều có góc thiên nhiên, vườn rau và thường xuyên tổ chức cho trẻ chăm sóc cây xanh.

- 100 % các lớp đều thực hiện các thùng rác thân thiện tại nhóm lớp, giáo dục trẻ thói quen giữ gìn vệ sinh lớp sạch sẽ.

- Nhà trường xây dựng và triển khai nghiêm túc quy chế dân chủ trong nhà trường, thực hiện công khai minh bạch. Thực hiện 3 công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân theo Thông tư Số: 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017; Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

V. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Các khoản thu, mức thu được thực hiện thỏa thuận giữa nhà trường với cha mẹ học sinh thể hiện bằng văn bản; khoản thu và mức thu khi thực hiện không vượt quá mức tối đa đối với những khoản thu có quy định mức tối đa.

Việc triển khai thực hiện công khai, lấy ý kiến thống nhất của cha mẹ học sinh đối với các khoản thu được thông qua buổi họp các lớp đầu năm học và phiếu lấy ý kiến của cha mẹ học sinh.

Mức chi do nhà trường tính toán xây dựng kế hoạch, thống nhất và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ, đảm bảo phù hợp với nguồn kinh phí thu được.

Trường sử dụng các khoản thu đúng mục đích thu, công khai kế hoạch thu - chi của từng khoản thu đến cha mẹ học sinh trước khi tổ chức thực hiện và thực hiện đầy đủ các chế độ quản lý tài chính theo quy định.

Công khai tiền ăn của trẻ hàng ngày, thực hiện thanh toán với đơn vị cung cấp lương thực, thực phẩm; sữa; chất đốt (gas) hàng tháng theo hóa đơn mua hàng thực tế và cập nhật theo dõi hồ sơ chứng từ, sổ sách kế toán theo quy định.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách đối với trẻ em và giáo viên mầm non theo quy định tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP;

Thực hiện theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Tổ chức thu, chi và sử dụng các khoản đúng, đủ, kịp thời theo quy định hiện hành của nhà nước.

- Báo cáo Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng TC-KH và các đoàn kiểm tra

đúng, đủ theo quy định hiện hành.

*Kết quả thực hiện công tác thu chi tài chính được thể hiện cụ thể trong bảng số liệu sau:

**QUYẾT TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025 VÀ
THU- CHI CÁC KHOẢN NĂM HỌC 2024-2025**

ĐVT: đồng

TT	Nội dung	Năm báo cáo (Ngân sách 6T đầu năm 2025; các khoản năm học 2024 -2025)	Năm báo cáo (Ngân sách 6T đầu năm 2024; các khoản năm học 2023 -2024)
1	2	3	4
A	QUYẾT TOÁN THU,CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ		
I	Số thu phí, lệ phí		
1	Học phí (nếu có)		
1.1	Số dư năm trước chuyển sang	29,681,113	60,310,356
1.2	Mức thu: NT: 92.000đ; MG: 85.000đ		
1.3	Tổng số thu trong năm	168,940,540	91,114,500
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	198,621,653	151,424,856
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	198,621,653	151,424,856
1.6	Số chi trong năm	197,149,361	121,743,743
1.7	Số dư cuối năm	1,472,292	29,681,113
1.8	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT và CSGD chuyên biệt; cả khóa học đối với GDTX)	0	0
2	Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có) (Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	0	0
2.1		0	0
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	0
2.1.2	Mức thu	0	0
2.1.3	Tổng số thu trong năm	0	0
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	0	0
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	0	0
2.1.6	Số chi trong năm	0	0

	Trong đó:-Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học	0	0
	-Chi khấu hao cơ sở vật chất	0	0
	-Chi công tác quản lý, chỉ đạo	0	0
	-Chi phúc lợi	0	0
	-Chi khác:.....	0	0
2.1.7	Số dư cuối năm	0	0
		0	0
3	Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: chi tiết theo từng công trình, dự án)	0	0
3.1		0	0
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	0
3.1.2	Tổng số thu trong năm	0	0
3.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	0	0
3.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	0	0
3.1.5	Số chi trong năm	0	0
	Trong đó:-.....	0	0
	-.....	0	0
	-.....	0	0
3.1.6	Số dư cuối năm	0	0
		0	0
4	Dịch vụ: Trông giữ xe, căng tin, bán trú....(Nếu có: Liệt kê các dịch vụ thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	0	0
4.1.	Học thêm thứ 7	0	0
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	2,895,900	24,498,250
4.1.2	Mức thu 35.000đ/ trẻ/ngày		
4.1.3	Tổng số thu trong năm	122,739,400	38,310,000
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	125,635,300	62,808,250
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	125,635,300	62,808,250
4.1.6	Số chi trong năm	125,635,300	62,808,250
	Trong đó: -Chi cho người tham gia	121,147,600	59,912,350

	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	4,487,700	2,895,900
4.1.7	Số dư cuối năm	0	0
4.2.	Hỗ trợ người nấu ăn	0	0
4.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	312,760	0
4.2.2	Mức thu từ 65.000đ/ trẻ/tháng đến 75.000đ/trẻ/tháng	0	0
4.2.3	Tổng số thu trong năm	142,820,240	156,419,704
4.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	143,133,000	156,419,704
4.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	143,133,000	156,419,704
4.2.6	Số chi trong năm	143,133,000	156,419,704
	Trong đó: - Chi Hỗ trợ người nấu ăn; phục vụ chăm ăn, trông trưa, quản lý và vệ sinh bán trú	140,270,340	156,106,944
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	2,862,660	312,760
4.2.7	Số dư cuối năm	0	0
4.3.	Quản lý trẻ ngoài giờ hành chính	0	0
4.3.1	Số dư năm trước chuyển sang	17,207,918	20,776,360
4.3.2	Mức thu 10.000đ/ trẻ/ngày	414,700,000	437,340,000
4.3.3	Tổng số thu trong năm	414,700,000	437,340,000
4.3.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	431,907,918	458,116,360
4.3.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	431,907,918	458,116,360
4.3.6	Số chi trong năm	431,677,103	440,908,442
	Trong đó: -Chi cho người tham gia	406,406,000	366,560,642
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	8,294,000	8,746,800
	- Chi phúc lợi, CSVC	16,977,103	65,601,000
4.3.7	Số dư cuối năm	230,815	17,207,918
4.4.	Phục vụ hoạt động bán trú cho cá nhân học sinh	0	0
4.4.1	Số dư năm trước chuyển sang	467,200	900,000
4.4.2	Mức thu : Học sinh mới : 300.000đ/trẻ/năm, HS cũ: 200.000đ/trẻ/năm	65,145,000	66,950,000
4.4.3	Tổng số thu trong năm	65,145,000	66,950,000
4.4.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	65,612,200	67,850,000

4.4.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	65,612,200	67,850,000
4.4.6	Số chi trong năm	65,359,000	67,382,800
	Trong đó: -Chi mua đồ dùng phục vụ bán trú cho người học	65,359,000	67,382,800
4.4.7	Số dư cuối năm	253,200	467,200
5	Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Tin học... (Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	0	0
5.1		0	0
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	0
5.1.2	Mức thu	0	0
5.1.3	Tổng số thu trong năm	0	0
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	0	0
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	0	0
5.1.6	Số chi trong năm	0	0
	Trong đó: -Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy	0	0
	-Chi khấu hao cơ sở vật chất	0	0
	-Chi công tác quản lý, chỉ đạo.....	0	0
	-Chi phúc lợi	0	0
	-Chi khác:.....	0	0
5.1.7	Số dư cuối năm	0	0
		0	0
6	Thu hộ, chi hộ: BHYT, Đoàn, Đội, đồng phục, sách vở, (Nếu có: Liệt kê các nội dung được thực hiện tại đơn vị theo số liệu thực tế, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	0	0
6.1	Tiền phục vụ ăn bán trú	0	0
6.1.1	Số học sinh	270	295
6.1.2	Mức thu 24.000đ/trẻ/ngày (bao gồm cả tiền ăn và chất đốt)	0	0
6.1.3	Tổng thu	1,066,296,532	905,300,000
6.1.4	Chi	1,066,286,688	905,300,000

6.1.5	Dư	9,844	0
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0	0
1	Chi sự nghiệp.....	0	0
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0
	Chi thanh toán cá nhân	0	0
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	0	0
	Chi tham quan học tập	0	0
	Chi mua sắm sửa chữa	0	0
	Chi khác	0	0
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0
	Chi thanh toán cá nhân	0	0
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	0	0
	Chi tham quan học tập	0	0
	Chi mua sắm sửa chữa	0	0
	Chi khác	0	0
2	Chi quản lý hành chính	0	0
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0	0
	Chi thanh toán cá nhân	0	0
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	0	0
	Chi tham quan học tập	0	0
	Chi mua sắm sửa chữa	0	0
	Chi khác	0	0
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0	0
	Chi thanh toán cá nhân	0	0
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	0	0
	Chi tham quan học tập	0	0
	Chi mua sắm sửa chữa	0	0
	Chi khác	0	0
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0
1	Học phí	0	0
2	Học nghề	0	0

3	Học Tiếng anh	0	0
4	Học kỹ năng sống	0	0
5	Trông giữ xe đạp	0	0
6		0	0
		0	0
B	QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	0	0
I	Nguồn ngân sách trong nước	0	0
1	Chi quản lý hành chính	0	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0	0
	Chi thanh toán cán hân	0	0
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	0	0
	Chi tham quan học tập	0	0
	Chi mua sắm sửa chữa	0	0
	Chi khác	0	0
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0	0
	Chi thanh toán cá nhân	0	0
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn	0	0
	Chi tham quan học tập	0	0
	Chi mua sắm sửa chữa	0	0
	Chi khác	0	0
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	2,571,909,182	1,377,167,208
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2,177,636,182	1,377,167,208
	Chi thanh toán cá nhân	1,990,137,194	1,157,309,484
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	31,966,200	32,680,000
	Chi mua sắm sửa chữa	28,520,000	126,879,200
	Chi khác	127,012,788	60,298,524
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	394,273,000	0
	Chi thanh toán cá nhân	3,150,000	0
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	12,000,000	0
	Chi mua sắm sửa chữa	271,000,000	0
	Chi khác	108,123,000	0

II	Nguồn viện trợ	0	0
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0	0
1.1	Dự án A	0	0
1.2	Dự án B	0	0
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	0	0
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0	0
1.1	Dự án A	0	0
1.2	Dự án B	0	0
		0	0

VI. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

- Tập thể và cá nhân, phát huy được các nhân tố tích cực trong đơn vị; phát huy được vai trò các tổ chức đoàn thể trong nhà trường:
- Không để xảy ra tai nạn, ngộ độc thực phẩm và dịch bệnh trong nhà trường; không có tình trạng phụ huynh phản ánh về các hoạt động nuôi dạy.
- Ngày càng nâng cao chất lượng nuôi dạy trong nhà trường.
- Thực hiện phương pháp dạy học theo hướng giải quyết vấn đề đảm bảo tính linh hoạt, sáng tạo và hiệu quả.
- Tuyên truyền vận động, tổ chức thực hiện mô hình xã hội hóa, phối hợp với các tổ chức, đoàn thể để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật phòng chống tệ nạn xã hội và ATGT.
- Tích cực tham gia đầy đủ các cuộc vận động, các Phong trào thi đua do ngành, cấp trên tổ chức và phát động.
- Năm học 2024-2025 tập thể nhà trường đạt tập thể lao động tiên tiến, xếp thứ 8 trong toàn huyện.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;
- Phòng TC-KH;
- UBND xã;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Phảng